



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Bà Trần Thị Thùy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

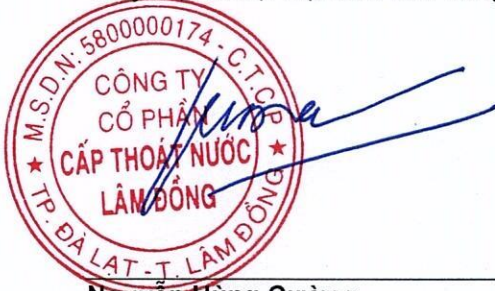
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2022

7123
ÔNG
TNH
DÁN
NH
G
-TP

Số: 1525/2022/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2022, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		644.309.812.517	370.557.462.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.237.958.078	25.231.261.916
1. Tiền	111	V.1	30.237.958.078	25.231.261.916
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		550.344.000.000	278.844.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	550.344.000.000	278.844.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.012.089.852	57.514.489.337
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	30.408.033.388	28.938.000.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.033.406.648	4.330.047.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	28.754.018.335	29.438.718.187
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.183.368.519)	(5.192.276.281)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.715.764.587	8.967.710.863
1. Hàng tồn kho	141		10.124.522.125	10.377.310.508
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.408.757.538)	(1.409.599.645)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		519.504.965.442	1.090.329.697.386
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		333.921.580	228.036.580
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	333.921.580	228.036.580
II. Tài sản cố định	220		486.052.532.743	780.761.085.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	484.597.333.205	779.236.069.422
- Nguyên giá	222		998.584.364.416	1.481.084.102.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.987.031.211)	(701.848.033.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.455.199.538	1.525.016.194
- Nguyên giá	228		2.003.591.000	2.003.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(548.391.462)	(478.574.806)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.042.179.059	7.952.760.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.042.179.059	7.952.760.520
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	11.125.252.238	276.125.252.238
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	265.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.951.079.822	25.262.562.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	14.111.157.963	17.826.641.383
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.839.921.859	7.435.921.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.163.814.777.959	1.460.887.159.502

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		292.582.650.710	289.844.112.386
I. Nợ ngắn hạn	310		73.509.510.135	59.069.135.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	18.398.805.376	12.818.767.448
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	534.995.379	1.207.665.636
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.698.960.909	3.829.608.622
4. Phải trả người lao động	314		7.711.119.827	9.709.869.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.963.314.551	2.949.634.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.390.599.405	1.371.417.072
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	22.793.678.231	22.793.678.241
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.018.036.457	4.388.494.339
II. Nợ dài hạn	330		219.073.140.575	230.774.976.713
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	453.473.264	490.687.935
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	218.465.539.703	229.862.378.815
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		154.127.608	421.909.963
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		871.232.127.249	1.171.043.047.116
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	871.232.127.249	875.708.359.169
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.853.160.429	1.200.937.430
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	12.206.383.925
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.536.319.743	34.458.390.737
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		26.536.319.743	34.458.390.737
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	295.334.687.947
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.21	-	295.334.687.947
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.163.814.777.959	1.460.887.159.502


 Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu


 Bùi Hoàng Trường Vĩ
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	133.888.610.891	129.268.575.755
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		133.888.610.891	129.268.575.755
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.528.984.434	103.220.208.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.359.626.457	26.048.367.732
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.107.767.920	21.055.481.253
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.734.159.129	8.444.991.227
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.734.159.129	8.444.991.227
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.885.228.522	2.817.798.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.353.932.932	6.580.135.122
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		33.494.073.794	29.260.924.000
11. Thu nhập khác	31	VI.7	201.259.591	221.858.845
12. Chi phí khác	32	VI.7	556.605.161	665.409.941
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	(355.345.570)	(443.551.096)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.138.728.224	28.817.372.904
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	6.602.408.481	5.681.917.974
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		26.536.319.743	23.135.454.930
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	330	253



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	144.013.326.572	138.984.291.628
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.024.074.844)	(61.688.193.485)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.533.821.201)	(26.226.250.962)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(7.822.196.676)	(8.504.961.174)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.046.556.655)	(5.680.745.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	168.928.130	122.322.815
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.106.797.392)	(20.283.515.451)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.648.807.934	16.722.947.827
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.777.634.263)	(8.538.833.469)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(270.000.000.000)	(262.971.453.117)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	263.500.000.000	293.369.130.443
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.766.420.188	22.148.846.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.488.785.925	44.007.690.805
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.396.839.122)	(11.396.839.112)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.734.058.575)	(11.940.698.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.130.897.697)	(23.337.537.578)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.006.696.162	37.393.101.054
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.231.261.916	16.851.512.009
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	30.237.958.078	54.244.613.063



Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu



Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 367 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 363 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý.

Trong kỳ, dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Thông tin bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	201.346.258	146.348.534
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.036.611.820	25.084.913.382
Cộng	30.237.958.078	25.231.261.916

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (i)	22.000.000.000	22.000.000.000
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt (ii)	4.462.047.916	-
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	3.117.509.817	1.719.872.407
Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng (ii)	477.446.691	477.446.691
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	3.628.863.931
	351.028.964	1.111.817.102
Cộng	30.408.033.388	28.938.000.131

(i) Đây là khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng 220 trái phiếu DCTCH2124001 với mệnh giá 100 triệu đồng do Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam phát hành ngày 28 tháng 6 năm 2021. Đến ngày 11 tháng 7 năm 2022, Công ty đã thu hồi đầy đủ khoản phải thu này.

(ii) Trong các năm trước, Công ty ký hợp đồng với Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng về việc quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải. Sau khi dự án được bàn giao cho Nhà Nước trực tiếp quản lý và vận hành, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	390.324.598	-
Công Ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	278.586.550	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát Nước Lâm Đồng	206.195.000	206.195.000
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	-	3.906.852.300
Các nhà cung cấp khác	158.300.500	217.000.000
Cộng	1.033.406.648	4.330.047.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	20.693.606.592	22.177.861.068
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	3.688.211.187	3.688.211.187
Khoản phải thu Nhà nước về dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt (ii)	1.587.664.778	1.587.664.778
Cổ tức phải thu	825.602.208	-
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán (iii)	514.000.000	1.116.100.000
Các khoản phải thu khác	1.444.933.570	868.881.154
	28.754.018.335	29.438.718.187
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	333.921.580	228.036.580
	29.087.939.915	29.666.754.767

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này.

(ii) Đây là khoản phải thu Nhà nước để thanh toán cho các gói thầu xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án. Đến thời điểm cuối kỳ, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để đề nghị Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng bố trí nguồn vốn đối ứng để thanh toán cho các nhà thầu còn lại.

(iii) Đây là khoản tạm ứng thù lao năm 2022 cho Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 sau khi quyết toán báo cáo tài chính năm và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.495.157.332	-	(1.495.157.332)	1.337.065.094	-	(1.337.065.094)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	-	167.000.000	-	(167.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)
Cộng	5.183.368.519	-	(5.183.368.519)	5.192.276.281	-	(5.192.276.281)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	5.192.276.281	1.255.341.957
Trích lập dự phòng trong kỳ	178.294.715	203.971.080
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(187.202.477)	-
Điều chỉnh khác	-	3.688.211.187
Số dư cuối kỳ	5.183.368.519	5.147.524.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.976.084.770	(1.408.757.538)	9.398.529.685	(1.409.599.645)
Công cụ, dụng cụ	1.094.308.614	-	840.016.070	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.128.741	-	138.764.753	-
Cộng	10.124.522.125	(1.408.757.538)	10.377.310.508	(1.409.599.645)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	1.409.599.645	1.246.739.190
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(842.107)	-
Số dư cuối kỳ	1.408.757.538	1.246.739.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	466.271.432.074	84.721.072.221	774.872.976.868	111.761.776.075	43.456.845.575	1.481.084.102.813
Xây dựng cơ bản hoàn thành	7.949.741.538	8.835.258.415	4.076.303.744	251.651.579	-	21.112.955.276
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(266.429.149.730)	(33.904.271.341)	(133.429.011.190)	(68.473.887.029)	(931.612.591)	(503.167.931.881)
Giảm khác	-	-	(444.761.792)	-	-	(444.761.792)
Tại ngày 30/06/2022	207.792.023.882	59.652.059.295	645.075.507.630	43.539.540.625	42.525.232.984	998.584.364.416
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	245.244.194.224	38.777.610.423	352.526.317.985	52.232.358.197	13.067.552.562	701.848.033.391
Khấu hao trong năm	4.258.398.846	1.805.166.454	11.046.320.534	2.000.556.230	861.799.692	19.972.241.756
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(134.297.422.801)	(13.701.356.717)	(28.758.142.493)	(30.248.907.806)	(827.414.119)	(207.833.243.936)
Tại ngày 30/06/2022	115.205.170.269	26.881.420.160	334.814.496.026	23.984.006.621	13.101.938.135	513.987.031.211
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	221.027.237.850	45.943.461.798	422.346.658.883	59.529.417.878	30.389.293.013	779.236.069.422
Tại ngày 30/06/2022	92.586.853.613	32.770.639.135	310.261.011.604	19.555.534.004	29.423.294.849	484.597.333.205

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 16.032.077.378 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 49.353.727.214 đồng).

Công ty đã sử dụng các tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 305.857.284.879 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 314.327.595.584 đồng) để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.18).

(i) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	737.591.000	1.266.000.000	2.003.591.000
Tại ngày 30/06/2022	737.591.000	1.266.000.000	2.003.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	179.821.931	298.752.875	478.574.806
Khấu hao trong năm	7.315.286	62.501.370	69.816.656
Tại ngày 30/06/2022	187.137.217	361.254.245	548.391.462
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	557.769.069	967.247.125	1.525.016.194
Tại ngày 30/06/2022	550.453.783	904.745.755	1.455.199.538

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt (i)	-	5.445.587.900
Các dự án khác	1.042.179.059	2.507.172.620
Cộng	1.042.179.059	7.952.760.520

(i) Trong kỳ, dự án đầu tư xây dựng trạm cấp thoát nước tại xã Tràm Hành, thành phố Đà Lạt đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đây là dự án được phê duyệt đầu tư bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển theo các nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	7.952.760.520	2.563.393.065
Chi phí đầu tư trong kỳ	14.715.183.969	4.446.326.555
Tăng khác	-	5.311.623.355
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.222.547.153)	(3.230.780.758)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(1.098.880.565)	(1.325.860.842)
Ghi nhận vào chi phí trong kỳ	(304.337.712)	(405.273.672)
Số dư cuối kỳ	1.042.179.059	7.359.427.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	550.344.000.000	550.344.000.000	278.844.000.000	278.844.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	265.000.000.000	265.000.000.000
Tổng cộng	550.344.000.000	550.344.000.000	543.844.000.000	543.844.000.000

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, toàn bộ số tiền này đang được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 13 tháng đến 18 tháng và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền gửi hiện đang hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 6,30% đến 7,20%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	554.365	5.658.526.204	-	554.365	5.658.526.204	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	433.350	5.466.726.034	-
Cộng		11.125.252.238	-		11.125.252.238	-

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 28.628 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức trong năm 2020, tương đương với tổng mệnh giá 286.280.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	11.386.679.800	12.336.220.153
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.233.777.968	3.242.857.893
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	490.700.195	2.247.563.337
Cộng	14.111.157.963	17.826.641.383

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 4 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	6.839.921.859	-	7.435.921.049	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	10.575.372.192	10.575.372.192	9.818.676.899	9.818.676.899
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Hoàn Mỹ Việt Nam	2.712.346.507	2.712.346.507	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.111.086.677	5.111.086.677	3.000.090.549	3.000.090.549
Cộng	18.398.805.376	18.398.805.376	12.818.767.448	12.818.767.448

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	247.220.000	247.220.000
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	110.919.633	248.558.158
Các khách hàng khác	280.031.224	711.887.478
Cộng	638.170.857	1.207.665.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	309.224.049	3.102.696.361	2.958.443.013	453.477.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.844.636.307	6.602.408.481	5.046.556.655	3.400.488.133
Thuế thu nhập cá nhân	373.037.876	605.743.685	779.394.773	199.386.788
Phí bảo vệ môi trường	1.223.658.641	9.074.935.583	8.741.425.301	1.557.168.923
Thuế tài nguyên	74.325.529	468.786.834	462.719.416	80.392.947
Tiền thuê đất	-	474.672.547	474.672.547	-
Các khoản phải nộp khác	4.726.220	18.320.501	15.000.000	8.046.721
Cộng	3.829.608.622	20.347.563.992	18.478.211.705	5.698.960.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.875.564.476	1.963.602.023
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	595.038.501	985.032.421
Các khoản chi phí phải trả khác	492.711.574	1.000.000
Cộng	2.963.314.551	2.949.634.444

17. Phải trả khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	11.021.628.090	-
Các khoản phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Các khoản phải trả khác	551.688.016	554.133.773
	12.390.599.405	1.371.417.072
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	453.473.264	490.687.935
	12.844.072.669	1.862.105.007



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.231	22.793.678.231			22.793.678.241	22.793.678.241
b. Dài hạn						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	193.564.299.590	193.564.299.590	-	8.415.839.122	201.980.138.712	201.980.138.712
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	47.694.918.344	47.694.918.344	-	2.981.000.000	50.675.918.344	50.675.918.344
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.231)	(22.793.678.231)			(22.793.678.241)	(22.793.678.241)
	218.465.539.703	218.465.539.703			229.862.378.815	229.862.378.815
Tổng cộng khoản vay	241.259.217.934	241.259.217.934	-	11.396.839.122	252.656.057.056	252.656.057.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lin, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đạ Nài; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.793.678.231	22.793.678.241
Trong năm thứ hai	22.793.678.231	22.793.678.241
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	127.290.826.749	138.687.665.851
Cộng	241.259.217.934	252.656.057.056
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.231)	(22.793.678.241)
Số phải trả sau 12 tháng	218.465.539.703	229.862.378.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	4.388.494.339	7.865.960.161
Trích lập quỹ trong kỳ	3.910.951.663	11.605.598.677
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.281.409.545)	(9.908.959.499)
Số dư cuối kỳ	3.018.036.457	9.562.599.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	7.066.214.231	38.649.998.425	11.330.524.372	874.102.467.093
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	23.135.454.930	-	23.135.454.930
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.330.400.000)	-	(20.330.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.605.598.677)	-	(11.605.598.677)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.797.499.764	(5.797.499.764)	-	-
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(916.499.984)	-	-916.499.984
Tại ngày 30/06/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	543.607.360	12.863.713.995	23.135.454.930	11.330.524.372	864.385.423.362
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.322.935.807	-	11.322.935.807
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	657.330.070	(657.330.070)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	788.000.000.000	28.512.122.705	1.200.937.430	12.206.383.925	34.458.390.737	11.330.524.372	875.708.359.169
Tại ngày 01/01/2022	788.000.000.000	28.512.122.705	1.200.937.430	12.206.383.925	34.458.390.737	11.330.524.372	875.708.359.169
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	26.536.319.743	-	26.536.319.743
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.004.000.000)	-	(26.004.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.910.951.663)	-	(3.910.951.663)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.445.839.074	(3.445.839.074)	-	-
Thù lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.097.600.000)	-	(1.097.600.000)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.652.222.999	(15.652.222.999)	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	788.000.000.000	28.512.122.705	16.853.160.429	-	26.536.319.743	11.330.524.372	871.232.127.249

Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong kỳ và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2021 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Trong kỳ, nguồn quỹ đầu tư phát triển đã được dùng để tài trợ cho dự án nhà máy trạm cấp thoát nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt theo các nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty với tổng mức đầu tư là 14,94 tỷ đồng. Dự án đang trong quá trình quyết toán và sẽ được phê duyệt bổ sung nguồn quỹ đầu tư phát triển tại Đại hội Cổ đông năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 30/06/2022 và 01/01/2022		
	Số lượng	Tỷ lệ	Giá trị
	Cổ phần	(%)	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000

c) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022, cổ tức năm 2021 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 26.004.000.000 đồng, tương ứng mức 330 đồng/cổ phiếu đang lưu hành.

Cổ tức năm 2022 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 3,3%, tương ứng 330 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xí nghiệp quản lý nước thải, chi tiết biến động trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá trị còn lại đầu kỳ	295.334.687.947	319.280.595.323
Khấu hao trong kỳ	-	(11.276.426.785)
Bàn giao lại hệ thống xử lý nước thải cho Nhà nước (i)	(295.334.687.947)	-
Giá trị còn lại cuối kỳ	-	308.004.168.538

(i) Như đã trình bày tại thuyết minh số V.7, Công ty đã thực hiện bàn giao hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt cho Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt quản lý vào ngày 14 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m².

Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2022 Ngoại tệ	01/01/2022 Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,5	67,5

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Doanh thu kinh doanh nước sạch	119.602.460.505	115.892.320.989
	Doanh thu xử lý nước thải	8.421.826.841	8.259.890.129
	Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	5.263.824.852	4.501.270.124
	Doanh thu khác	600.498.693	615.094.513
	Cộng	133.888.610.891	129.268.575.755
2.	Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Giá vốn kinh doanh nước sạch	93.325.905.621	92.671.969.830
	Giá vốn xử lý nước thải	6.802.238.541	6.538.035.165
	Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	4.324.504.281	3.586.481.864
	Giá vốn khác	77.284.692	423.721.164
	Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(948.701)	-
	Cộng	104.528.984.434	103.220.208.023
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Lãi tiền gửi	20.282.165.712	19.899.162.597
	Cổ tức được chia	825.602.208	1.156.318.656
	Cộng	21.107.767.920	21.055.481.253
<i>Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ các bên liên quan:</i>			
	Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng	433.350.000	780.030.000
	Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	392.252.208	376.288.656
	Cộng	825.602.208	1.156.318.656
4.	Chi phí tài chính	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	7.734.159.129	8.444.991.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí duy trì đầu nổi	2.874.898.522	2.791.721.363
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.330.000	26.077.273
Cộng	2.885.228.522	2.817.798.636
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.693.411.385	2.596.217.620
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.618.111	579.286.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.564.338	133.352.229
Thuế, phí và lệ phí	379.279.396	224.706.670
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(8.907.762)	203.971.080
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	3.098.967.464	2.842.600.819
Cộng	6.353.932.932	6.580.135.122
7. Thu nhập và chi phí khác	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
	đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
	VND	VND
a. Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác	201.259.591	221.858.845
b. Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	524.791.324	495.207.991
Chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường		-
Các khoản chi phí khác	31.813.837	170.201.950
	556.605.161	665.409.941
Lỗ khác	(355.345.570)	(443.551.096)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.138.728.224	28.817.372.904
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	698.916.390	749.478.094
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.093.384.563)	(1.534.239.606)
Thu nhập chịu thuế	32.744.260.051	28.032.611.392
Thu nhập tính thuế	32.744.260.051	28.032.611.392
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	267.782.355	377.920.950
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.602.408.481	5.682.106.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh kỳ trước	-	(188.494)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.602.408.481	5.681.917.974

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.771.773.116	49.640.268.716
Chi phí nhân công	29.609.405.080	30.911.464.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.517.267.088	19.495.232.162
Chi phí duy trì đầu nổi	2.874.898.522	2.791.721.363
Chi phí dự phòng	(9.749.869)	203.971.080
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.004.551.951	9.575.483.936
Cộng	113.768.145.888	112.618.141.781

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.536.319.743	23.135.454.930
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(519.200.000)	(3.174.623.319)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.017.119.743	19.960.831.611
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	330	253

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	187.014.000	343.590.553
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Hùng Cường	kiêm Tổng Giám đốc	594.718.426	798.753.470
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	85.936.000	163.163.131
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên	85.936.000	163.163.131
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	408.147.487	508.234.831
		1.361.751.913	1.976.905.116
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	154.122.000	246.611.848
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên	53.881.000	94.375.138
Bà Vy Thị Bé	Thành viên	7.800.000	-
	Thành viên		
Bà Trần Thị Thủy	(đã miễn nhiệm)	46.081.000	76.400.914
		261.884.000	417.387.900

2. Cam kết không hủy ngang

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết dài hạn không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa và Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt với thời gian thực hiện hợp đồng là 2 năm và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m³, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chi trả 3.198 đồng/m³ và ngân sách cấp 3.063 đồng/m³.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

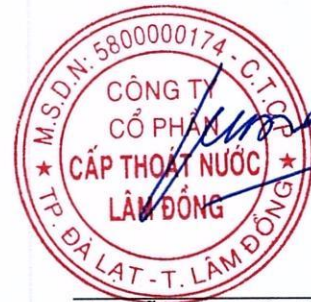


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2022



Bùi Hoàng Trường Vi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc